

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 02 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia

đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

2. Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Văn C (Đ), sinh năm 1980.

- Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ K, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: số 000, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh C, chị K có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, Biên bản phiên họp ngày 16/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Văn C trình bày:* Anh C với chị K tự quen và tìm hiểu nhau hơn 01 năm thì sống chung cùng nhau vào năm 2003, không có

đăng ký kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép hay đe dọa.

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015, khoảng đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không đủ chi phí cho gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn càng ngày càng nhiều, bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã, đến tháng 5/2016 anh C đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Sau đó thì chị K cũng đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh, chị không hàn gắn tình cảm để cùng sống chung với nhau được.

Nay anh C yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Mỹ K vì tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ chung sống cùng nhau.

+ *Về con chung*: Anh C, chị K chung sống với nhau có 02 con chung là Hà Hoài N, sinh ngày 28/12/2004, Hà Văn D sinh ngày 22/4/2012. Hiện nay các cháu sống với chị K. Anh C thống nhất giao cháu N, cháu D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

+ *Về tài sản chung*: không yêu cầu chia tài sản chung.

+ *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn chị Lê Thị Mỹ K trình bày*:

+ Về hôn nhân: Chị K thống nhất lời trình bày của anh C. Chị K với anh C tự quen và tìm hiểu nhau hơn 01 năm thì sống chung cùng nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai cưỡng ép hay đe dọa.

Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc đến năm 2015, đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng sống bằng nghề làm thuê, thu nhập không đủ chi phí cho gia đình nên vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn càng ngày càng nhiều, bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã đến tháng 5/2016 anh C đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê. Sau đó thì chị K cũng đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương cho đến nay. Từ tháng 5/2016 chị K với anh C ly thân đến nay không hàn gắn tình cảm để cùng sống chung với nhau được.

Nay chị K thống nhất ly hôn với anh C vì tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ.

+ *Về con chung*: chị K, anh C chung sống với nhau có 02 con chung là Hà Hoài N, sinh ngày 28/12/2004, Hà Văn D sinh ngày 22/4/2012. Hiện nay các cháu sống với chị K. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu N, cháu D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- + *Về tài sản chung*: không yêu cầu chia tài sản chung.
- + *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- * *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát*:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Điều 81; khoản 1, 2, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Văn C với chị Lê Thị Mỹ K.
- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Hà Hoài N, sinh ngày 28/12/2004, Hà Văn D sinh ngày 22/4/2012 cho chị K được quyền nuôi dưỡng đến khi thành niên; nghĩa vụ cấp dưỡng: không xem xét giải quyết, do chị K không yêu cầu.
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn C và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị K cư trú tại số 000, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh C, chị K vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị K là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Giữa anh C, chị K chung sống với nhau vào năm 2003, không có đăng ký kết hôn. Anh, chị sống hạnh phúc và đến tháng 5 năm 2016 ly

thân với nhau. Từ khi ly thân đến nay anh, chị có gặp nhau để hàn gắn sống chung lại với nhau nhưng không đoàn tụ chung sống cùng nhau được. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân phải xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai người, phải có tình cảm yêu thương, quan tâm đến nhau thì mới mang lại hạnh phúc. Vì vậy cho thấy mâu thuẫn giữa anh C, chị K làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C, chị K chung sống với nhau từ năm 2003, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Do đó không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Văn C với chị Lê Thị Mỹ K là phù hợp với khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này

[2.2] Về con chung: anh C, chị K chung sống với nhau có 02 con chung là cháu Hà Hoài N, sinh ngày 28/12/2004, Hà Văn D sinh ngày 22/4/2012. Hiện nay các cháu sống với chị K. Anh C, chị K thống nhất thỏa thuận giao cháu N, cháu D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa cháu N, cháu D cũng có nguyện vọng sống chung với chị K. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu, xét điều kiện kinh tế, khả năng chăm sóc nuôi dưỡng của các bên đương sự, nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh C, chị K. Giao cháu N, cháu D cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh C có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị K trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với khoản 2 Điều 81, khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh C phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 53, Điều 81, khoản 1, 2, 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hà Văn C với chị Lê Thị Mỹ K.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh C, chị K, giao cháu Hà Hoài N, sinh ngày 28/12/2004, Hà Văn D sinh ngày 22/4/2012 cho chị K được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị K cùng các thành viên gia đình không cản trở anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh C, chị K không yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001389 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Lê Thị Mỹ K không phải chịu án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã Tân Huê;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Kim Trinh